

THÚC ĐẨY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP TỪ GÓC ĐỘ QUẢN LÝ KINH TẾ

Nguyễn Thị Ánh*

06777+

Tóm tắt

Trên cơ sở nhận định về tư duy, đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng ta, trong mối tương quan so sánh với bối cảnh tình hình khu vực và thế giới, dưới góc nhìn theo xu thế phát triển bền vững, bài viết đánh giá khái quát thành tựu và hạn chế, yếu kém của quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam; đồng thời nhận định về cơ hội, thách thức trong tình hình và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay: tham gia một Cộng đồng ASEAN, ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA), tiến tới ký kết và gia nhập Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).... Từ đó, bài viết khuyến nghị một số giải pháp dưới góc độ quản lý kinh tế nhằm phát huy tiềm năng, tăng cường nội lực để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả: giải pháp về công tác quản lý như vấn đề quy hoạch, hỗ trợ kết nối mở rộng thị trường; giải pháp về công tác thông tin, tuyên truyền; về chính sách;...

Từ khóa: Phát triển bền vững nông nghiệp Việt Nam, nông nghiệp phát triển bền vững, nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thời cơ, hội nhập quốc tế.

Đặt vấn đề

Sau ba thập kỷ thực hiện công cuộc đổi mới, nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đã có những bước tiến dài. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra hiện nay là: Đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, những giá trị truyền thống đã và đang được phát huy, các tầng lớp nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước, nhưng nước ta vẫn còn nghèo, vẫn

thua kém nhiều mặt so với những nước có hoàn cảnh lịch sử tương tự chúng ta? Trong trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên mọi lĩnh vực, nhất là về kinh tế, trong đó nông nghiệp – lĩnh vực mà ta có cả lợi thế so sánh tương đối và lợi thế tuyệt đối nhưng vẫn chưa thật sự đủ nội lực bền vững để bứt phá và hội nhập vững chắc.

Việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá nhân mạnh những thành tựu và hạn chế, yếu kém của quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam, đưa ra một số giải pháp khuyến nghị

* Nguyễn Thị Ánh, Thạc sĩ, Vụ Tổng hợp, Ban Tuyên giáo Trung ương.

dưới góc độ quản lý kinh tế nhằm phát huy tiềm năng, xây dựng nội lực để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay, đáp ứng yêu cầu tất yếu đặt ra của thực tiễn vận động không ngừng.

1. Lý luận từ góc độ quản lý kinh tế về phát triển bền vững nông nghiệp

Hơn 45 năm trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh (2002, *Toàn tập*, t.10, tr. 180) chỉ rõ: “Nước ta là nước nông nghiệp... Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và VII cụ thể hóa tư tưởng đó thành chủ trương: tập trung sức phát triển nông nghiệp, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu) với việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thực hiện ba chương trình là nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Có thể nói, “lấy nông nghiệp làm chính” và “phải bắt đầu từ nông nghiệp” mang tính quy luật trong việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đặt ra trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta. Thực tế cho thấy, trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980), do không thực sự chú trọng đến phát triển nông nghiệp nên nền kinh tế nước ta rơi vào tình trạng mất cân đối nghiêm trọng, nông nghiệp trì trệ, sút kém, không bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm tiêu dùng cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp. Do đó, công nghiệp cũng không đáp ứng được hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân, không thực hiện được vai trò thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hậu quả là tình trạng này kéo dài trong suốt những năm 80 của thế kỷ XX. Thực tế đó càng làm sáng tỏ

những chỉ dẫn quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2002, *Toàn tập*, t.10, tr. 314): “Muốn sản xuất được nhiều, nhanh, tốt, rẻ, thì phải có nhiệt tình cách mạng. Nhưng lại còn phải hiểu biết và nắm vững khoa học”.

Đường lối đổi mới hiện nay của Đảng được manh nha hình thành và nảy sinh chính từ thực tiễn đời sống sản xuất nông nghiệp. Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội nước ta đã cho thấy, sự phát triển, tiến bộ và phồn vinh của đất nước không thể bỏ qua hay tách rời sự phát triển của nông nghiệp. Trong điều kiện bùng nổ cuộc cách mạng công nghệ sinh học hiện nay, nông nghiệp càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và là một trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành, như Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 18-3-2002 (Hội nghị Trung ương 5 khóa IX) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết 26-NQ/TW (Nghị quyết Trung ương 7 khóa X) ngày 5-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó (ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, 2008, tr. 125-126) xác định “*Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt cũng như lâu dài*”.

Trên cơ sở điều kiện thực tế và tiềm năng của đất nước, Đảng ta cũng đã khẳng định, trong giai đoạn hiện nay, “vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả

năng cạnh tranh cao". Trong định hướng Chiến lược phát triển bền vững, Chính phủ cũng khẳng định phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tr. 98 và tr.104) chủ trương "Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt", "nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao". Trong đó, giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng về số tuyệt đối, giảm về tỷ lệ cơ cấu trong GDP, đến 2020 đạt khoảng 15% GDP.

Nông nghiệp phát triển bền vững là nông nghiệp phát triển phải bảo đảm sự tăng trưởng, giá trị thu nhập tăng bền vững và ổn định, mang lại hiệu quả cả về mặt kinh tế - xã hội - môi trường cho thế hệ hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các thế hệ tương lai.

2. Với xu hướng phát triển bền vững, sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở nước ta trong những thập kỷ qua đã có những thành tựu vượt bậc và những hạn chế cần xem xét

Thứ nhất, việc đa dạng hoá các hình thức sở hữu, các mô hình tổ chức kinh tế phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thúc đẩy sản xuất trong nông nghiệp phát triển nhanh hơn, ổn định và bền vững hơn. Thực tiễn 30 năm đổi mới ở Việt Nam cho thấy thành tựu đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp là hết sức ấn tượng. Nước ta từ chỗ thiếu ăn, phải nhập khẩu lương thực, đến nay bảo đảm đủ ăn và có xuất khẩu, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và góp phần bảo đảm an ninh lương thực

thế giới. So với các ngành kinh tế khác, đầu tư vào nông nghiệp ít tốn kém, có tỷ suất lợi nhuận và tỷ lệ xuất siêu cao nhất. Hiện có hàng chục mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực mang tầm vóc thế giới, trong đó xuất khẩu hạt tiêu đứng thứ nhất, gạo, cà phê, sản phẩm cao su đứng thứ tư, thủy hải sản đứng thứ năm, chè đứng thứ bảy thế giới và nhiều mặt hàng khác nữa. Năm 2010, Việt Nam mới chỉ có 18 thị trường xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD; xuất khẩu các loại nông, lâm sản của cả nước đạt 19,6 tỷ USD, nông sản nhập khẩu khoảng 5 tỷ USD, xuất siêu 14,6 tỷ USD (chiếm khoảng 70%)... Nhưng đến năm 2015 đã tăng lên 28 thị trường. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các thị trường hơn 1 tỷ USD, chiếm gần 90% kim ngạch xuất khẩu chung cả nước. Năm 2015 so với năm 2014, một mặt, do gặp một số khó khăn về thời tiết, nhu cầu và giá cả thị trường khiến giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính đạt 14,04 tỷ USD, giảm 1,9%; tuy nhiên, tổng giá trị xuất siêu 7,09 tỷ USD (xuất khẩu đạt 30,14 tỷ USD, nhập khẩu đạt 23,05 tỷ USD). Xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính đạt 7,23 tỷ USD, tăng 10,2%. Đặc biệt, có sự cải thiện cơ cấu theo hướng nâng cao tỷ lệ thành phẩm cao cấp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản nông sản xuất khẩu, tiêu biểu là gạo xuất khẩu đạt 6,55 triệu tấn, trong đó, gạo trắng cao cấp và gạo thơm chiếm 47% (gạo trắng cao cấp chiếm gần 28,5%, tăng gần 36,5%, và gạo thơm chiếm gần 23%, tăng gần 18,5%). Xuất khẩu tiêu 135.000 tấn, đạt 1,26 tỷ USD, giảm 13% về khối lượng, nhưng tăng 5% về giá trị. Xuất khẩu hạt Điều đạt 328.000 tấn, tăng 8,3% về khối lượng và là năm đầu đạt kim ngạch hơn 2,5 tỷ USD (tăng 20,2%) nhờ đầu tư công nghệ chế biến và máy móc thiết bị, tăng năng suất lao động.

Sản xuất nông nghiệp nước ta đã và đang khẳng định lợi thế so sánh và lợi thế tuyệt đối trong bối cảnh quan hệ thương mại và phân công lao động quốc tế ngày càng phát triển. Theo số liệu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) của Liên Hợp quốc, Việt Nam là một trong những nước đứng đầu thế giới về nhiều sản phẩm nông nghiệp như hạt tiêu, hạt điều,

gạo, cao su, đậu đỗ... Với 24 mặt hàng nông nghiệp thực phẩm đứng hàng từ 1 đến 10 thế giới, cho thấy vai trò của các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam. Riêng gạo, những năm gần đây nước ta xuất khẩu khoảng từ 5 đến hơn 7 triệu tấn mỗi năm. Bảng 1 cũng cho thấy rõ hơn đóng góp đáng ghi nhận của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế.

Bảng 1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước các năm 2013, 2014 và 2015

	Tốc độ tăng so với năm trước (%)			Đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng năm 2015 (Điểm phần trăm)
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
Tổng số	5,42	5,98	6,68	6,68
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,63	3,44	2,41	0,40
Công nghiệp và xây dựng	5,08	6,42	9,64	3,20
Dịch vụ	6,72	6,16	6,33	2,43
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	6,42	7,93	5,54	0,65

Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thứ hai, sản xuất tập trung hơn, thị trường mở rộng hơn theo hướng hiệu quả. Hiện nay, mô hình cánh đồng mẫu lớn đã được triển khai, góp phần làm giảm giá thành sản xuất, giảm số lần phun thuốc bảo vệ thực vật và tăng lợi nhuận. Đặc biệt, cánh đồng mẫu lớn còn tạo điều kiện triển khai những mô hình khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm đem lại hiệu quả cho cả doanh nghiệp và nông dân. Đây là những cánh đồng có diện tích hàng chục đến hàng trăm héc ta, thuận tiện cho việc đưa khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình sản xuất hiện đại có hiệu quả kinh tế cao. Có thể thấy, mô hình này đã đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực

và cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, góp phần thực hiện việc gắn kết chặt chẽ “bốn nhà” (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước). Bên cạnh đó, sự phát triển, mở rộng thị trường cho phép mở ra khả năng tiêu thụ nông sản hàng hoá, tạo động lực mạnh mẽ mở rộng sản xuất nông nghiệp, thực hiện thâm canh, tăng vụ, cho phép phát triển tối đa năng lực sản xuất nông nghiệp, không chỉ giải quyết cái “ăn” cho người nông dân, mà cái chính là tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá phục vụ cho các nhu cầu phát triển khác. Thông qua phát triển thị trường thúc đẩy sự giao

lưu, phát triển kinh tế, văn hoá giữa các vùng, các địa phương trong nước và quốc tế.

Thứ ba, phát triển và thay đổi bộ mặt đời sống ở nông thôn. Cùng với chính sách đầu tư xây dựng nông thôn mới, nhiều chính sách xã hội hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn như: hỗ trợ vay vốn tạo việc làm cho người lao động, hướng dẫn người nghèo được cách làm ăn, miễn giảm học phí và các khoản đóng góp cho con em họ... Nhiều phong trào xã hội lớn hướng về nông thôn được thực hiện có hiệu quả: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng làng, khu dân cư văn hóa... Nhiều lễ hội văn hóa, truyền thống lành mạnh của làng, xã được duy trì, khôi phục, phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ phát triển ở nhiều nơi, đi đôi với việc bài trừ các thói quen, hủ tục lạc hậu. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có hiệu quả.

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, những hạn chế, yếu kém còn tồn tại gây cản trở phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa nước ta theo hướng bền vững:

Một là, chưa có sự đột phá trong ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Mặc dù các cấp chính quyền đã cố gắng thúc đẩy việc ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Song nhìn chung sản xuất nông nghiệp vẫn thiếu những sản phẩm hàng hóa thể mạnh, chất lượng tốt, sản lượng lớn, chiếm ưu thế thị trường.

Tính phụ thuộc của nông nghiệp vào thiên nhiên còn lớn, độ rủi ro cao. Phát triển nông nghiệp để tăng tỷ trọng tăng trưởng kinh tế còn khó khăn, một năm nếu tăng được 5% là cả một sự thách thức không nhỏ. Nhưng sự giảm sút lại rất dễ xảy ra vì nhiều yếu tố khách

quan. Ví dụ đơn cử ở Thái Bình, năm 2003 đã chắc một vụ mùa thắng lợi lớn, nhưng sau một trận mưa úng lập tức mất gần 200 tỷ đồng và tốc độ tăng trưởng nông nghiệp của năm đó là -1,5%, kéo GDP của Thái Bình từ 8% xuống chỉ còn tăng trưởng 5,8%, mất hơn 2%. Năm 2005, sau mấy trận bão đã làm cho năng suất lúa mùa bị ảnh hưởng, Thái Bình mất 99000 tấn thóc, GDP mất gần 100 tỷ nên kéo theo tốc độ tăng trưởng từ 9% chỉ còn 7,8%/năm²⁶. Hiện nay tình hình tương tự tuy có giảm nhưng vẫn còn tồn ở nhiều địa phương trên cả nước. Theo báo cáo kết quả kinh tế - xã hội năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do nắng nóng gay gắt nên diện tích lúa hè thu tại các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ giảm mạnh (-5,9%), sản lượng ước đạt 959 nghìn tấn, giảm 5% so vụ hè thu 2014 (Khánh Hòa giảm 48%, Ninh Thuận giảm 9,9%, Bình Thuận giảm 4,3%). Sản lượng lúa Đông xuân cả nước đạt 20,69 triệu tấn, giảm 158,8 nghìn tấn, bằng 99,2% so vụ đông xuân 2014 do nắng nóng ở hầu hết các tỉnh, xâm nhập mặn ở vùng ĐBSCL nên giảm cả diện tích và năng suất: diện tích gieo trồng được 3,11 triệu ha, giảm 4,1 nghìn ha, bằng 99,9%; năng suất lúa đạt 66,5 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha (-0,6%).

Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai mạnh và phát huy hiệu quả ở nhiều địa phương, thể hiện rõ nhất là ở ĐBSCL và ĐBSH; Đồng thời, thực hiện nhiều giải pháp nhằm hạn chế tổn thất trong quá trình sản xuất, tập trung đối với các loại lúa, ngô, cà phê, rau, quả, thủy sản. Theo số liệu sơ

²⁶ Nguyễn Duy Việt (12/2005), Về nội dung, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới đặc biệt là sau Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, tr.5.

bộ từ các địa phương, mức độ tổn thất của lúa gạo đã giảm từ khoảng 13% xuống còn khoảng 10%, nhờ đẩy mạnh cơ giới hóa ở khâu thu hoạch và sơ chế, bảo quản.

Hai là, sản xuất nhỏ đối mặt với thị trường cạnh tranh rộng lớn. Sau 30 năm thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng lĩnh vực nông nghiệp của cả nước nói chung vẫn là nền sản xuất nhỏ lẻ, phân tán. Trong khi tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng gay gắt (bảng 2). Mâu thuẫn sản xuất nhỏ với thị trường cạnh tranh rộng lớn đang là nhân tố cản trở sự phát triển của nông nghiệp theo hướng bền vững. Do quy mô sản xuất nhỏ, thực lực kinh tế yếu nên các hộ nông dân không

đủ sức phòng chống các rủi ro của thị trường. Việc không kịp thời xử lý thông tin, sự phản ứng thụ động theo thị trường để điều chỉnh giá dẫn đến tình trạng sản phẩm có lúc ế thừa, có lúc khan hiếm, nông dân chỉ biết sản xuất cầm chừng, hoặc chuyển đổi cơ cấu theo lợi ích trước mắt, chứ chưa thể nhìn xa trông rộng hơn. Việc thực thi chủ trương cánh đồng mẫu lớn vẫn chưa đủ mạnh và hấp dẫn đối với người nông dân. Những khó khăn về đầu ra của sản phẩm và tình trạng lợi nhuận thấp dẫn đến hiện tượng nông dân không thiết tha với sản xuất trên ruộng đất của mình đang trở thành vấn đề tác động tiêu cực đến nông nghiệp phát triển bền vững.

Bảng 2. Thứ hạng cạnh tranh toàn cầu

Thứ hạng	Việt Nam	Trung Quốc	Thái Lan	Malaysia
2009-2010	75/133 nước	29	36	24
2010/2011	59/139 nước	27	38	26
2011/2012	65/142 nước	26	39	21
2012/2013	75/144 nước	29	38	25

Nguồn: Báo cáo cạnh tranh toàn cầu các năm

Ba là, suy thoái tài nguyên đất và sự ô nhiễm môi trường nông thôn. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, bên cạnh mặt tích cực thì tình hình ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên đất ở các địa phương, các vùng có chiều hướng gia tăng, dẫn đến việc đất đai bị suy thoái, chất lượng giảm dần, môi trường đất bị ô nhiễm. Nguyên nhân đất bị suy thoái cũng đã được các cơ quan nghiên cứu làm rõ, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau: Dân số tăng, quá trình đô thị hóa đã gây áp lực đối với tài nguyên đất, dẫn đến quỹ đất ngày càng thu hẹp và ô nhiễm môi trường; do chính hoạt động nông nghiệp gây ra,

việc đẩy nhanh vòng quay của đất dẫn đến đất bị thoái hóa, ô nhiễm môi trường đất. Đáng chú ý việc lạm dụng các chất hóa học trong nông nghiệp là nguyên nhân giảm số lượng các loại vi khuẩn sinh vật có ích, giảm đa dạng sinh học trong môi trường đất.

Theo điều tra của trung tâm nghiên cứu quan trắc và mô hình hóa môi trường (CEMM), nhiều diện tích đất của vùng ĐBSH sử dụng phân bón khá cao so với bình quân cả nước, trung bình 204 kg phân khoáng và 1 tấn phân chuồng/ha đối với trồng lúa, trồng màu còn cao hơn. Dư lượng phân hóa học, thuốc

bảo vệ thực vật đang hàng ngày, hàng giờ tác động suy giảm tài nguyên đất đai.

Do ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước do phát triển công nghiệp dịch vụ, do tập quán sinh hoạt thiếu ý thức bảo vệ môi trường của người dân và do hệ thống thu gom chất thải rắn, thoát nước thải chảy trong các khu vực của ĐBSH còn kém hiệu quả gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay hầu hết ở nông thôn, chưa có hệ thống thu gom chất thải rắn, túi nilon, túi đựng thuốc bảo vệ thực vật..., lượng chất thải thu gom ở các huyện vùng nông thôn rất thấp.

Mặt khác, tài nguyên đất đai bị thu hẹp bởi nhiều yếu tố, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm giảm đáng kể diện tích đất canh tác. Trong diện tích đất nông nghiệp cả nước khoảng gần 10 triệu ha, đất lúa là cốt lõi với khoảng 4.500.000 ha, theo quy hoạch, hiện nay chỉ còn 3.800.000 ha và có khả năng sẽ còn bị thu hẹp nữa. Chỉ tính riêng trong năm 2007, diện tích đất trồng lúa cả nước đã giảm 125.000 ha, 80% trong số đó thuộc loại "bờ xôi ruộng mật". Trong diện tích 1.486.241 ha của ĐBSH thì đất sản xuất nông nghiệp thực tế của ĐBSH chỉ có 764.024 ha. Ở vùng ngoại thành của Hà Nội và nhiều tỉnh như Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng..., nhiều mảnh đất trồng lúa nước đã phải nhường chỗ cho các dự án đủ loại từ công nghiệp, dịch vụ, giải trí đến khu đô thị. Có cả những "dự án ma" nằm "đắp chiếu" nhiều năm trời. Đất nông nghiệp của những đồng bằng châu thổ nếu bị chuyển đổi cho những mục đích sử dụng khác không hợp lý là một tổn thất khó có thể bù đắp, làm ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của các thế hệ mai sau.

3. Kiến nghị giải pháp dưới góc độ quản lý kinh tế để thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững

Để thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững, cần tiếp tục xây dựng những điều kiện, nền tảng bảo đảm cho quá trình phát triển nông nghiệp cũng là quá trình phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, bảo vệ các nguồn lực cho sự phát triển trong tương lai. Nghị quyết 26-NQ/TW (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, tr. 124) chỉ rõ: "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn liền với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt".

Cần có các giải pháp đồng bộ về quản lý kinh tế nhằm phát huy mạnh mẽ tiềm năng của nguồn lực lao động chính là nông dân, bám sát định hướng nêu trên, tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém. Sau đây là một số giải pháp kiến nghị:

Một là, xây dựng và ban hành các chính sách, cơ chế đặc thù làm đòn bẩy cho phát triển nông nghiệp bền vững, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Các chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp phải phù hợp với thực tiễn trong nước, có tác dụng khuyến khích sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu đối với từng mặt hàng nông sản cụ thể như: gạo, muối, đường, rau quả

sạch... Có ưu đãi về phí sử dụng đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhất là những dự án nông nghiệp công nghệ cao, dự án chế biến những nông sản thực phẩm, dự án tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập trong nông nghiệp nông thôn... Rà soát, loại bỏ những lệ phí, những khoản đóng góp chưa hợp lý. Đồng thời, các chính sách và cơ chế phải tương thích với quá trình nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, trước mắt là gia nhập Cộng đồng ASEAN, ký kết và đi vào thực hiện một loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA), tương lai tiến tới thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược Thái Bình Dương (TPP)...

Hai là, hoàn thiện và triển khai thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung, phát huy các nguồn lực và lợi thế vùng để đẩy nhanh quá trình nông nghiệp phát triển bền vững. Không thể có phát triển bền vững trên nền tảng sản xuất nông nghiệp thiếu quy hoạch, không tập trung. Việc quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn sẽ giảm chi phí sản xuất, tập trung được đầu tư, có điều kiện ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, công nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất. Công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn cần chú ý: Dự báo nhu cầu thị trường, lợi thế cạnh tranh, khả năng phát triển khoa học và công nghệ, công nghiệp chế biến. Gắn quy hoạch các vùng sản xuất với đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế và áp dụng kỹ thuật mới của nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường vào sản xuất. Thực hiện sự kết hợp giữa quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp với sản xuất nông phẩm hàng hóa quy mô lớn và phát triển công nghiệp chế biến phù hợp.

Ba là, có giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy các vùng kinh tế phát triển bền vững, gắn với chú trọng mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu các sản phẩm chế biến và chế biến sản phẩm sạch. Đây là một trong các giải pháp hết sức quan trọng của sự chuyển dịch thành công cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đồng thời gắn với đẩy nhanh phát triển thị trường tín dụng. Kiên định mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, không phát triển tràn lan "cây, con, sản phẩm" theo phong trào mà chỉ tập trung phát triển những sản phẩm của từng địa phương, từng vùng có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh. Huy động mạnh mẽ sự tham gia của khoa học và công nghệ, công nghiệp, dịch vụ vào sản xuất và đặc biệt là tín dụng cho phát triển nông nghiệp nông thôn. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ở trong nước và quốc tế, hướng tới đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Bốn là, nông nghiệp phát triển bền vững phải gắn chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng mô hình nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hợp tác hóa và dân chủ hóa ở cộng đồng cấp thôn theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng dân cư địa phương làm chủ. Gắn kế hoạch xây dựng nông thôn mới với phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, bảo đảm sự phát triển nông nghiệp, nông thôn đồng bộ và bền vững. Xây dựng, hoàn chỉnh các quy hoạch chi tiết ở các xã, huy động mọi nguồn vốn, thực hiện hiệu quả các dự án theo đúng quy hoạch, chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đồn điền, đổi thửa, xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

Năm là, nông nghiệp phát triển bền vững phải chú trọng và gắn liền với tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống người dân. Nông

ng nghiệp phát triển bền vững được khi người dân ngày càng gắn bó với hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Chú trọng nâng cao đời sống của nông dân, không chỉ về kinh tế mà phải quan tâm các mặt văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ. Cấp bách nhất hiện nay là giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động ở nông thôn, nhất là nông dân không có việc làm ở trong các vùng đô thị hóa, khu công nghiệp, thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo... giảm dần sự cách biệt về thu nhập và đời sống giữa các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn. Có chính sách đầu tư khôi phục, mở rộng các làng nghề truyền thống ở các địa phương nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho nông dân với phương châm "ly nông, bất ly hương".

Sáu là, xây dựng hệ thống chính trị ở nông thôn vững mạnh. Thứ nhất, dành mọi ưu tiên để nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ cán bộ cơ sở: (1) trình độ lý luận, (2) trình độ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; (3) trình độ chuyên môn nghiệp vụ; (4) trình độ khoa học kỹ thuật, những vấn đề về phát triển bền vững. Thứ hai, tăng cường giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ, chăm lo xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, sự giám sát của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng để hạn chế, tiến tới xóa bỏ những phiền hà, những nhiễu nhâm dân, sự thiếu công khai, minh bạch trong sử dụng công quỹ, sử dụng đất đai, gây khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Thứ ba, kiên quyết đấu tranh với các phần tử có hành vi lợi dụng những vấn đề đòi hỏi lợi ích chưa được giải quyết gây mất ổn định xã hội.

Bảy là, tuyên truyền nâng cao nhận thức, xây đắp ý chí quyết tâm tìm tòi, sáng tạo thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững và là trụ đỡ

vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền cả chiều rộng và chiều sâu, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp phát triển bền vững. Chiều rộng là thông qua các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền vị trí, vai trò và sự cần thiết phải phát triển bền vững, làm rõ những nội dung cơ bản về phát triển bền vững, nông nghiệp bền vững... Chiều sâu là đưa nội dung phát triển bền vững vào giảng dạy ở các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố, trường chính trị tỉnh, các trường phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Chú trọng đối tượng là cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cán bộ đảng, chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạch định đường lối phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

Có thể khẳng định, Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững, tích cực tham gia Công ước quốc tế về phát triển bền vững, thể hiện quan điểm phát triển bền vững trong các nghị quyết và Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ban hành nhiều văn bản pháp luật và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đây cũng là vấn đề được các cấp, các ngành, địa phương và nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tích cực thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

Sự nghiệp nông nghiệp phát triển bền vững là xu thế tất yếu đang cần được tiếp "năng lượng" để bứt phá. Cần tiếp tục có sự đầu tư nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống quan điểm, phương hướng, giải pháp tổng thể từ xây dựng chính sách điều hành quản lý vĩ mô, đến các biện pháp về kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân

lực, nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường để tăng năng suất, tạo ra nhiều sản phẩm xanh, tăng tiến thị trường tiêu thụ rộng lớn.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Tuyên giáo Trung ương, Tạp chí Báo cáo viên số 08/2011: *Ba năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*;
- Ban Tuyên giáo Trung ương, Tạp chí Báo cáo viên số 11/2011: *Các giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo nông nghiệp, nông thôn phát triển hiệu quả, bền vững*;
- Đại học Kinh tế quốc dân, Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 08/2011, PGS.TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Lê Quang Cảnh: *Bàn về hiệu quả đầu tư công trong nông nghiệp nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*;
- Đại học Kinh tế quốc dân, Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 11/2010, TS. Ngô Thị Tuyết Mai: *Quan điểm và giải pháp phát triển xuất khẩu bền vững hàng nông sản VN*;
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành*

Trung ương khóa X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Học viện chính trị-Hành chính QG HCM, Tạp chí Lý luận chính trị số 7/2008, PGS.TSKH Trần Nguyễn Tuyên: *Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO*;
- Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000
- <http://ipsard.gov.vn/dspr/news/newsdetail.asp?targetID=2490> (Bộ môn nghiên cứu chiến lược và chính sách.
- TS. Phùng Đức Tiến (trả lời phỏng vấn 2011), *Tái cơ cấu kinh tế, nên bắt đầu từ nông nghiệp*, Báo Nông nghiệp Việt Nam điện tử, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 18/11/2011, <http://nongnghiep.vn/tai-co-cau-kinh-te-nen-bat-dau-tu-nong-nghiep-post86468.html>